

## Thị trường tạm cân bằng trở lại

Phiên giao dịch hôm nay tạo ra một chút hi vọng cho triển vọng hồi phục ngắn hạn của thị trường bởi ít nhất đã bán cũng tạm chững lại và bên mua có sự phản kháng nhất định. Áp lực giảm điểm mạnh chỉ đến ở đầu phiên giao dịch do ảnh hưởng tâm lý từ sự sụt giảm của thị trường chứng khoán Mỹ và Nhật Bản. Tuy nhiên, các thị trường cận biên và mới nổi đã có phiên hồi phục ngược dòng ấn tượng cho thấy những áp lực giảm mạnh từ thị trường Mỹ, Nhật Bản cũng giảm bớt và lực cầu đã duy trì mua vào đều đặn tới cuối phiên giúp các chỉ số hồi phục nhẹ. VNIndex đóng cửa ở 880.90 điểm tăng nhẹ 2.68 điểm và VN30 đóng cửa ở 840.17 điểm tăng 1.38 điểm với thanh khoản toàn thị trường khi loại bỏ giao dịch thỏa thuận sụt giảm tương đối khi chỉ đạt mốc 2.500 tỷ đồng thấp hơn so với mức 3.200 tỷ đồng các phiên gần đây

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn hồi phục trở lại với mức độ hồi phục yếu như VHM; VNM; VCB; PLX; VIC; CTG; HPG; MWG; MBB ...trong khi vẫn còn những cổ phiếu tiếp tục giảm như MSN; BID; SAB; VJC; BVH; VPB; GAS...tạo ra lực cản cho chỉ số. Nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng biến động trái chiều với đa số nghiêng về tăng như HDB +3%; VCB +1.5%; CTG +1.4%; MBB; ACB; STB; EIB tăng nhẹ trong khi BID -1.4%; LPB -1.1%; TCB; TPB; VPB giảm nhẹ. Nhóm cổ phiếu ngành chứng khoán diễn biến dao động cân bằng với HCM; VND; SSI; MBS; SHS đóng cửa quanh mức tham chiếu và riêng VCI diễn biến hơi tiêu cực khi giảm -3.4%. Nhóm cổ phiếu ngành dầu khí hồi phục trở lại dẫn đầu là PVS +4.2%; PVD +2.9%; PLX +2.4%; PVB +2.6%; trong khi đó GAS giảm nhẹ và BSR, OIL đóng cửa ở tham chiếu. Số lượng cổ phiếu tăng và giảm tương quan ở mức độ cân bằng khi số lượng cổ phiếu tăng chỉ nhỉnh hơn một chút so với cổ phiếu giảm cho thấy sự chưa đồng thuận của tâm lý thị trường

Khối nhà đầu tư ngoại giao dịch ở quy mô thấp hơn trung bình phiên hôm nay và khối này bán ròng nhẹ gần 80 tỷ trên sàn HOSE. Các cổ phiếu chịu áp lực bán ròng như VJC; HPG; CII; BID; HDB; CTG; VIC; SSI...và ngược lại khối này tích cực mua ròng VNM; KBC; E1VFN30; DPM; VCB...

Chúng tôi cho rằng phiên hồi phục nhẹ ngày hôm nay chưa đem lại nhiều sự tin tưởng về khả năng thay đổi xu hướng ngắn hạn của thị trường nhưng dù sao nó cũng cho thấy những tín hiệu tích cực trở lại. Các chỉ số và phần nhiều cổ phiếu đã gánh chịu chuỗi phiên giảm liên tiếp khiến cho tâm lý thị trường trở nên âm ảm và tình trạng quá bán xảy ra trên diện rộng. Do đó, việc hồi phục trở lại trong phiên giao dịch hôm nay ít nhất cũng giúp tâm lý thị trường bớt căng thẳng hơn nhưng nhìn chung thị trường vẫn thiếu đi sự đồng thuận hồi phục và dòng tiền vẫn chưa thực hào hứng tham gia giúp thị trường sôi động trở lại. Bối cảnh thị trường tài chính giai đoạn hiện tại vẫn rất phức tạp với các phiên giảm sâu bất thường của nhiều chỉ số lớn trong khi đó giá hàng hóa cũng diễn biến thất thường và điều tích cực là đồng USD vẫn đang dần suy yếu giúp giảm áp lực cho các thị trường mới nổi và cận biên. Chúng tôi cho rằng quá trình hàn gắn hay tạo đáy của thị trường có lẽ sẽ mất nhiều thời gian cho tới khi các dao động ổn định và tích lũy trở lại tuy nhiên như trao đổi trong các bản tin gần đây chúng tôi đánh giá thị trường ở giai đoạn hiện tại đang xuất hiện nhiều cơ hội để chọn lọc mua vào. Xu hướng trung hạn của các chỉ số vẫn khá tiêu cực khi vẫn đang là giảm nhưng cơ hội hồi phục ngắn hạn đang dần rõ nét hơn.

Thống kê	HOSE	HNX
Đóng cửa	880.9	100.8
% Thay đổi	0.31	0.32
Khối lượng	136.6	33.8
Giá trị (tỷ đồng)	2,885.5	379.7
Số mã tăng	139	69
Số mã giảm	134	67
Không thay đổi	100	239

Hàng hóa & Tiền tệ	Đóng cửa	Thay đổi %
Gold(USD/Oz)	1,292	-0.23
WTI Oil (\$/B) 1Mth	48	2.00
Brent Oil (\$/B) 1Mth	57	2.11
USDVND	23,214	0.03
EURVND	26,457	-0.08

Nguồn: Bloomberg

VNINDEX



HNX-INDEX



Nhóm ngành (VNIndex)	Tỷ trọng Index (%)	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x
Tiêu dùng thiết yếu	2.98	0.73%	15.06	3.65
Thực phẩm và đồ uống	19.46	0.02%	25.67	7.08
Năng lượng	2.94	2.48%	20.98	2.88
Tài chính	25.84	0.35%	15.34	2.23
Y tế	0.97	-0.10%	17.16	2.65
Công nghiệp	7.73	-0.22%	16.69	3.18
Công nghệ thông tin	0.99	0.50%	8.49	2.05
Vật liệu và hóa chất	4.21	0.51%	10.42	1.40
Bất động sản	27.13	0.49%	49.95	3.88

Thị trường Khu vực	Giá đóng cửa	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x	Vốn hóa Tỷ US\$
China	3,035.9	2.40%	11.33	1.47	3,515.4
India	10,727.4	0.52%	21.88	2.88	1,109.8
Indonesia	6,274.5	0.86%	19.96	2.31	495.8
Laos	820.9	-0.16%	4.65	0.28	1.1
Malaysia	1,669.8	-0.36%	18.90	1.73	256.8
Philippines	7,761.1	1.05%	19.70	2.08	182.8
Taiwan	9,382.5	-1.16%	12.09	1.42	920.7
Thailand	1,575.1	0.97%	14.47	1.86	495.4

**HOSE**

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng					VND
CP	Giá	+/- (VND)	%thay	KL	Đóng góp
VNM	125,000	2,100	1.7	498,470	1.132
VCB	54,400	800	1.5	1.31MLN	0.891
VHM	74,000	800	1.1	277,640	0.830
PLX	54,900	1,300	2.4	302,070	0.521
VIC	100,600	300	0.3	458,000	0.296

**HNX**

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng					VND
CP	Giá	+/- (VND)	%thay	KL	Đóng góp
ACB	28,300	200	0.7	2.77MLN	0.250
PVS	17,400	700	4.2	3.28MLN	0.171
VGC	17,900	300	1.7	799,790	0.062
DGC	43,400	900	2.1	63,200	0.040
SHN	9,700	300	3.2	51,530	0.036

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm					VND
CP	Giá	+/- (VND)	%thay	KL	Đóng góp
MSN	76,200	-1,800	-2.3	463,070	-0.648
BID	31,550	-450	-1.4	1.46MLN	-0.476
SAB	243,200	-2,300	-0.9	8,540	-0.457
VJC	115,000	-1,200	-1.0	882,080	-0.201
VRE	27,500	-200	-0.7	982,790	-0.144

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm					VND
CP	Giá	+/- (VND)	%thay	KL	Đóng góp
VCG	21,900	-900	-4.0	1.89MLN	-0.061
DBC	24,000	-1,000	-4.0	42,010	-0.055
DNP	13,700	-800	-5.5	2,320	-0.036
DL1	33,400	-600	-1.8	12,700	-0.031
DHT	40,600	-1,600	-3.8	300	-0.022

Nguồn: Bloomberg

**TIN VĨ MÔ**

**NHNN tăng tỷ giá trung tâm thêm 4 đồng tuần đầu năm mới** - Sáng 4/1, NHNN điều chỉnh nâng tỷ giá thêm 1 đồng lên 22.829 đồng/USD, tiếp tục mức cao mới của tỷ giá trung tâm. Như vậy, trong 3 ngày làm việc đầu năm, NHNN điều chỉnh tỷ giá thêm 4 đồng. Với biên độ +/-3%, giá USD được phép giao dịch trong khoảng 22.144 – 23.514 đồng. Trái với xu hướng tăng của tỷ giá trung tâm, giá USD trên thị trường chính thức và phi chính thức vẫn ổn định ở vùng thấp. Tại các ngân hàng có vốn Nhà nước, tỷ giá nhỉnh hơn phổ biến ở mức 23.245 - 23.250 đồng ở chiều bán ra. Chênh lệch giá mua bán giữ ở mức 90 đồng.

**TIN DOANH NGHIỆP**

**GAS - Đặt kế hoạch lãi trước thuế 2019 giảm 32%** - Theo thông tin từ Tổng CTCP Khí Việt Nam (HoSE: GAS, PV Gas), mục tiêu cho năm 2019 gồm 9.350 triệu m<sup>3</sup> khí, 1,2 triệu tấn LPG, 62.000 tấn Condensate. Tổng doanh thu kế hoạch đạt 63.908 tỷ đồng và lãi trước thuế 9.546 tỷ đồng (giảm 32% so với con số ước 2018 hơn 14.098 tỷ đồng), Năm 2018, GAS ước doanh thu 74.050 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 14.098 tỷ đồng, vượt 48% kế hoạch điều chỉnh (9.500 tỷ đồng) và tăng từ 12-14% so với năm 2017. GAS tiếp tục cung cấp khí ổn định để sản xuất gần 30% sản lượng điện, 70% đạm, 60% thị phần LPG cả nước.

**FOC - Chốt quyền cổ tức đợt 1/2018 tỷ lệ 50% tiền mặt** - CTCP Dịch vụ Trực tuyến FPT (FPT Online, UPCoM: FOC) thông báo Nghị quyết HĐQT phê duyệt phương án chia cổ tức đợt 1/2018 bằng tiền mặt tỷ lệ 50% (5.000 đồng/cp). Thời gian chốt danh sách trả cổ tức đến hết ngày 15/1 và thời gian chi trả là 25/1.

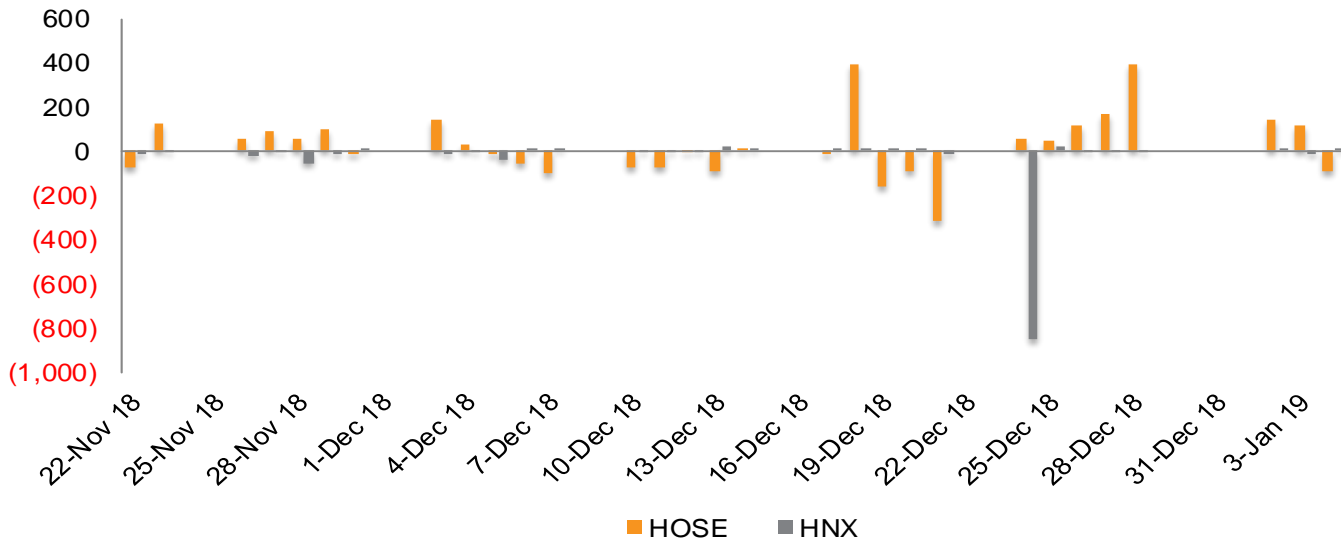
**PVS - Ước đạt 960 tỷ đồng lợi nhuận hợp nhất trước thuế** - tại Hội nghị Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động công đoàn năm 2018 và Hội nghị Người lao động năm 2019, TGD Công ty cho biết doanh thu hợp nhất thực hiện năm 2018 là 15.000 tỷ đồng, đạt 115,4% kế hoạch năm; lợi nhuận hợp nhất trước thuế năm 2018 là 960 tỷ đồng, giảm nhẹ 4,5% so với cùng kỳ năm trước và đạt 137,1% kế hoạch năm.

**GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI**

KLGD (triệu CP)	HOSE	HNX	GTGD (Tỷ đồng)	HOSE	HNX
<b>MUA</b>	8.4	0.8	<b>MUA</b>	320.2	13.7
% of market	6.3%	2.4%	% of market	12.7%	3.6%
<b>BÁN</b>	11.9	0.6	<b>BÁN</b>	408.1	6.8
% of market	9.0%	1.8%	% of market	16.2%	1.8%
<b>MUA (BÁN) RÒNG</b>	<b>(3.54)</b>	<b>0.2</b>	<b>MUA (BÁN) RÒNG</b>	<b>(87.9)</b>	<b>6.9</b>

Nguồn: HSX, HNX

**Diễn biến giao dịch ròng khối ngoại (Tỷ đồng)**



**LŨY KẾ 2018**

KLGD (triệu CP)	HOSE	HNX	GTGD (Tỷ đồng)	HOSE	HNX
<b>MUA</b>	4,625.8	420.3	<b>MUA</b>	260,245.0	7,651.2
% of market	9.4%	3.2%	% of market	19.5%	4.6%
<b>BÁN</b>	4,267.8	516.2	<b>BÁN</b>	219,041.2	9,527.6
% of market	8.7%	4.0%	% of market	16.4%	5.7%
<b>MUA (BÁN) RÒNG</b>	<b>358.0</b>	<b>(95.9)</b>	<b>MUA (BÁN) RÒNG</b>	<b>41,204</b>	<b>(1,876.3)</b>

Nguồn: HSX, HNX

**GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI**

HOSE					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
HPG	29,700	200	0.68	86.1	0.132
VNM	125,000	2,100	1.71	40.0	1.132
VCB	54,400	800	1.49	34.5	0.891
VHM	74,000	800	1.09	28.3	0.830
MSN	76,200	-1,800	-2.31	23.0	-0.648

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
HPG	29,700	200	0.68	100.8	0.132	
VJC	115,000	-1,200	-1.03	68.8	-0.201	
VCB	54,400	800	1.49	28.9	0.891	
MSN	76,200	-1,800	-2.31	23.0	-0.648	
VHM	74,000	800	1.09	20.8	0.830	

Nước ngoài mua ròng nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
VNM	125,000	2,100	1.71	24.8	1.132	
E1VFN30	13,920	-10	-0.07	12.3	0.000	
KBC	13,750	650	4.96	12.2	0.096	
DPM	21,600	600	2.86	7.7	0.073	
VHM	74,000	800	1.09	7.6	0.830	

Nước ngoài bán ròng nhiều nhất (giá trị)						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
VJC	115,000	-1,200	-1.03	-68.3	-0.201	
HPG	29,700	200	0.68	-14.6	0.132	
CII	25,500	300	1.19	-10.6	0.026	
BID	31,550	-450	-1.41	-9.4	-0.476	
VIC	100,600	300	0.30	-7.0	0.296	

HNX					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
PVS	17,400	43,800	4.19	10.9	0.000
TNG	16,000	200	1.27	1.0	0.000
VCS	65,000	0	0.00	0.6	0.000
CEO	12,600	100	0.80	0.4	0.000
APS	3,100	100	3.33	0.1	0.000

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
PVS	17,400	700	4.19	3.6	0.000	
SHB	7,000	0	0.00	1.2	0.000	
HUT	3,700	0	0.00	0.6	0.000	
AMV	37,000	-700	-1.86	0.5	0.000	
DBC	24,000	-1,000	-4.00	0.4	0.000	

Nước ngoài mua ròng nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
PVS	17,400	700	4.19	7.4	0.000	
TNG	16,000	200	1.27	1.0	0.000	
VCS	65,000	0	0.00	0.6	0.000	
CEO	12,600	100	0.80	0.4	0.000	
APS	3,100	100	3.33	0.1	0.000	

Nước ngoài bán ròng nhiều nhất (giá trị)						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
SHB	7,000	0	0.00	-1.14	0.000	
HUT	3,700	0	0.00	-0.54	0.000	
DBC	24,000	-1,000	-4.00	-0.41	0.000	
AMV	37,000	-700	-1.86	-0.39	0.000	
SHS	12,300	0	0.00	-0.33	0.000	

Nguồn Bloomberg, HOSE, HNX

TOP 60 Cổ phiếu vốn hóa lớn nhất trên HOSE

CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá			Vốn hóa Tỷ đồng	SCP triệu CP	Freefloat %	% Room Khối ngoại	KL GDBQ 30 ngày	P/E x	P/B x	ROE %	ROA %
		1 tháng	3 tháng	6 tháng									
1 VIC	100,600	-1.4	0.0	-4.2	321,077	3,192	57.6	31.7	578,518	73.6	5.8	10.3	1.7
2 VHM	74,000	-9.8	-9.8	-16.5	247,864	3,350	30.3	33.5	361,456	39.4	2.7	N/A	N/A
3 VNM	125,000	-8.4	-8.7	-10.2	217,676	1,741	46.2	40.7	896,865	25.0	8.6	35.2	29.5
4 VCB	54,400	-5.6	-13.7	-2.2	195,719	3,598	22.9	9.2	1,304,477	16.2	3.2	20.9	1.3
5 GAS	84,500	-12.4	-31.9	6.3	161,729	1,914	4.2	45.6	631,967	13.1	3.8	30.6	20.8
6 SAB	243,200	-1.9	7.6	7.6	155,960	641	10.4	90.2	46,110	35.2	9.4	28.5	20.3
7 BID	31,550	-5.5	-14.1	37.8	107,860	3,419	4.4	26.9	1,701,582	13.1	2.1	17.4	0.7
8 MSN	76,200	-9.4	-18.8	2.8	88,632	1,163	30.6	8.7	587,128	14.1	4.6	30.9	8.7
9 TCB	24,950	-10.3	-17.4	-7.6	87,240	3,497	81.6	0.0	1,975,600	8.8	1.8	25.4	3.2
10 CTG	18,350	-23.2	-33.8	-16.2	68,324	3,723	15.8	0.5	4,412,404	8.9	1.0	11.7	0.7
11 VRE	27,500	-15.9	-19.2	-12.7	64,043	2,329	100.0	17.6	1,510,219	42.6	2.5	5.7	5.6
12 PLX	54,900	-9.6	-23.2	-1.3	63,619	1,159	6.3	9.1	443,082	16.7	3.2	19.5	6.2
13 HPG	29,700	-14.2	-28.3	-19.9	63,080	2,124	55.8	9.8	4,918,285	6.9	1.6	26.7	15.5
14 VJC	115,000	-13.5	-19.9	-12.2	62,285	542	53.2	6.6	521,947	12.2	5.9	67.1	19.7
15 BVH	88,600	-9.8	-7.2	24.8	62,099	701	31.2	24.2	84,821	51.3	4.3	8.4	1.3
16 NVL	63,200	-6.9	-1.3	26.1	58,804	930	32.4	31.3	320,582	26.7	3.3	14.2	3.8
17 VPB	18,950	-15.4	-28.1	-28.2	46,555	2,457	69.0	0.0	2,965,823	6.7	1.5	26.9	2.5
18 MBB	18,600	-15.5	-22.5	-7.4	40,184	2,160	56.1	0.0	7,197,238	7.9	1.3	17.4	1.6
19 MWG	83,600	-5.0	-13.5	6.7	35,981	430	87.2	0.0	479,952	12.9	4.4	41.2	13.1
20 HDB	29,000	-8.5	-25.2	-15.5	28,449	981	72.6	2.8	1,696,042	14.8	2.0	14.9	1.0
21 FPT	41,100	-8.6	-10.4	2.8	25,217	614	81.8	0.0	566,952	7.7	2.1	28.9	11.3
22 ROS	36,000	-0.3	-10.0	-10.4	20,434	568	27.0	46.9	2,895,228	27.8	3.5	13.6	7.3
23 STB	11,150	-12.9	-19.5	8.3	20,111	1,804	94.0	11.1	4,132,501	15.0	0.8	5.8	0.3
24 BHN	81,000	-5.0	-11.9	-6.4	18,776	232	0.9	31.4	533	29.2	4.9	17.3	6.7
25 EIB	14,050	-0.7	-5.4	-1.1	17,274	1,229	79.0	0.4	1,956,753	12.7	1.1	9.4	0.9
26 TPB	19,450	-4.2	-7.7	-2.1	16,544	851	70.6	0.3	432,196	14.5	2.1	15.9	0.8
27 PNJ	90,000	-5.3	-16.7	10.7	15,030	167	69.4	0.0	286,386	16.6	4.3	30.0	19.2
28 HNG	15,400	-6.1	-8.6	46.7	13,657	887	42.0	55.7	1,283,762	N/A	1.2	-7.3	-2.5
29 SSI	26,000	-11.7	-21.9	-4.6	13,238	509	77.0	41.2	1,652,394	9.0	1.4	15.8	7.1
30 KDH	31,150	0.5	-10.2	9.0	12,897	414	76.0	1.7	386,505	22.2	2.0	10.5	5.8
31 CTD	159,500	1.6	-3.2	15.2	12,472	78	86.9	2.8	246,429	7.9	1.5	21.1	11.6
32 SBT	20,000	-3.1	-2.7	36.1	9,908	495	30.2	88.9	1,782,153	23.0	1.6	11.3	4.3
33 DHG	73,500	-12.3	-21.8	-26.4	9,610	131	22.1	51.0	101,235	18.2	3.3	18.3	14.6
34 REE	29,800	-10.6	-19.4	-0.7	9,240	310	84.4	0.0	264,198	5.9	1.1	19.1	11.0
35 DPM	21,600	-0.5	11.9	30.1	8,453	391	38.1	27.5	574,794	14.5	1.1	8.1	5.9
36 GEX	20,750	-19.1	-29.7	-19.7	8,436	407	68.5	36.5	1,590,053	8.2	1.5	22.3	6.9
37 VHC	88,000	-14.9	-7.9	55.8	8,132	92	37.9	63.4	276,726	6.6	2.1	37.4	22.7
38 DXG	22,700	-10.6	-22.8	-8.8	7,941	350	72.1	0.9	1,585,238	7.5	1.7	25.9	9.0
39 GMD	25,550	-11.4	-7.8	6.5	7,586	297	60.8	0.1	611,280	4.0	1.3	30.8	18.1
40 NT2	25,900	1.2	-0.8	-14.5	7,456	288	32.1	27.1	80,269	9.0	2.0	19.8	9.3
41 YEG	238,000	-15.0	4.8	-7.3	7,445	31	93.2	54.9	6,370	96.2	18.6	29.0	11.6
42 SCS	141,000	-6.6	-7.2	N/A	7,048	50	99.1	33.4	11,078	21.6	8.4	40.8	35.2
43 VCI	42,900	-14.4	-35.4	-22.3	6,993	163	66.1	58.8	128,496	10.0	2.3	30.5	13.9
44 LGC	35,300	0.0	18.9	36.3	6,808	193	N/A	4.0	4	41.5	2.6	6.5	1.7
45 PDR	25,250	-4.4	-6.5	-9.8	6,726	266	37.8	43.2	771,249	13.0	2.1	18.3	5.1
46 VPI	41,350	-3.3	-2.9	1.0	6,616	160	100.0	39.4	216,152	9.6	3.6	38.8	13.1
47 KBC	13,750	3.4	3.4	17.5	6,459	470	75.4	29.6	2,936,003	12.2	0.7	6.2	3.3
48 CII	25,500	-3.8	-4.1	-0.4	6,317	248	85.0	13.4	704,556	76.7	1.3	1.7	0.4
49 NLG	25,500	-12.7	-20.3	-9.6	6,098	239	60.6	0.0	351,857	6.1	1.3	22.4	9.6
50 TCH	17,000	-17.5	-27.8	-19.6	6,006	353	50.0	44.9	806,590	17.9	1.4	7.8	6.7
51 PAN	43,000	1.2	-20.4	-24.2	5,848	136	47.6	3.8	45,192	25.4	1.6	6.4	2.7
52 PPC	18,100	-8.4	-10.8	4.3	5,803	321	24.7	34.4	203,295	5.9	1.0	17.0	12.3
53 HCM	44,400	-21.0	-36.0	-15.9	5,752	130	66.7	38.4	135,935	7.3	1.9	27.8	15.1
54 PVD	14,300	-14.4	-34.7	12.2	5,475	383	49.4	30.3	2,285,007	93.0	0.4	0.6	0.4
55 DCM	9,850	-6.6	-11.3	-3.4	5,215	529	24.4	45.0	692,798	9.9	0.8	8.6	5.1
56 HT1	13,250	-9.2	-14.2	22.1	5,055	382	20.0	43.3	239,666	8.3	1.0	12.2	5.4
57 HPX	24,700	6.3	22.0	N/A	4,940	200	100.0	33.7	345,176	8.2	2.4	20.0	5.7
58 FRT	71,000	-6.0	-6.6	-9.0	4,828	68	92.4	0.1	32,149	17.2	6.1	42.9	6.8
59 KDC	22,900	-6.5	-17.8	-31.2	4,710	206	36.7	78.4	43,678	N/A	0.8	-1.2	-0.6
60 PHR	34,650	6.9	25.3	82.4	4,695	135	33.1	41.2	322,572	9.5	1.8	18.5	10.5

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. Sales&Trading VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

**KHUYẾN CÁO**

Báo cáo này được viết và phát hành bởi bộ phận Sales&Trading – Công ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDIRECT. Báo cáo này không trực tiếp hoặc ngụ ý dùng để phân phối, phát hành hay sử dụng cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào là công dân hay thường trú hoặc tạm trú tại bất kỳ địa phương, lãnh thổ, quốc gia hoặc đơn vị có chủ quyền nào khác mà việc phân phối, phát hành hay sử dụng đó trái với quy định của pháp luật.

Báo cáo này được cung cấp trên cơ sở được đảm bảo tính bảo mật. Người sử dụng không được phép (i) sao chép hoặc lưu trữ dưới bất kỳ hình thức (ii) truyền tay hoặc phân phối, trực tiếp hoặc gián tiếp, từng phần hay toàn bộ báo cáo, cho bất kỳ ai mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào sự tư vấn độc lập và phù hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư cá biệt, VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

**VNDIRECT SALES & TRADING****Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT**

Số 1 – Nguyễn Thượng Hiền – Hà Nội

Điện thoại: +84 439724568

Máy lẻ: 12560

Email : [phong.sale.trading@vndirect.com.vn](mailto:phong.sale.trading@vndirect.com.vn)Website: <http://vndirect.com.vn>